

Số: 448/QĐ-UBND

Tiên Minh, ngày 06 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025 cho các phòng, đơn vị, trường học

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ TIÊN MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật;

Căn cứ Nghị quyết số 47/NQ- HĐND ngày 25/7/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu, chi ngân sách đại phương và phân bổ ngân sách địa phương năm 2025 thành phố Hải Phòng sau sắp xếp;

Căn cứ Quyết định số 2999/QĐ-UBND ngày 25/7/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2025 cho các cấp, các ngành, các đơn vị;

Căn cứ Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 30/7/2025 của Hội đồng nhân dân xã Tiên Minh về dự toán thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm 2025 sau sắp xếp;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế xã Tiên Minh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025 cho phòng, đơn vị, trường học như sau:

1. Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn và thu ngân sách địa phương năm 2025:

- * Tổng thu ngân sách nhà nước: 184.565 triệu đồng, bao gồm:
 - Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn: 4.924 triệu đồng.
 - Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 179.641 triệu đồng.
- * Tổng thu ngân sách địa phương: 183.341 triệu đồng, bao gồm:
 - Thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp: 3.700 triệu đồng.
 - Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 179.641 triệu đồng.

2. Dự toán chi ngân sách địa phương năm 2025 :

Tổng chi ngân sách địa phương (sau trừ tiết kiệm 10% chi thường xuyên): 183.341 triệu đồng. Tổng chi ngân sách địa phương (trước trừ tiết kiệm 10% chi thường xuyên): 187.587 triệu đồng, trong đó:

- Chi thường xuyên (sau trừ tiết kiệm 10% chi thường xuyên): 179.746 triệu đồng. Chi thường xuyên (trước trừ tiết kiệm 10% chi thường xuyên): 183.992 triệu đồng. Tiết kiệm 10% chi thường xuyên: 4.246 triệu đồng;

- Dự phòng ngân sách: 3.595 triệu đồng.

(Chi tiết theo các phụ biểu đính kèm).

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Đối với dự toán thu ngân sách Nhà nước và cân đối thu, chi ngân sách địa phương:

Căn cứ dự toán thu ngân sách năm 2025 được giao, các phòng, đơn vị, trường học tổ chức thực hiện các giải pháp đồng bộ, hiệu quả, phấn đấu hoàn thành cao nhất nhiệm vụ thu ngân sách nhà nước năm 2025.

Trường hợp thu cân đối ngân sách địa phương giảm so với dự toán: Giao Phòng Kinh tế chủ trì rà soát, sắp xếp, xây dựng phương án chi đảm bảo ưu tiên kinh phí để thực hiện chế độ chính sách cho con người (chi trả lương, chế độ an sinh xã hội,...).

2. Đối với dự toán chi ngân sách:

Căn cứ dự toán chi ngân sách năm 2025 được giao các phòng, đơn vị, trường học lập dự toán chi tiết gửi Phòng Kinh tế theo quy định và gửi Phòng Giao dịch số 4 - Kho bạc Nhà nước khu vực III để theo dõi, kiểm soát.

Dự toán chi thường xuyên đã bao gồm các khoản chi lương, phụ cấp theo lương, các khoản chi cho con người theo chế độ hiện hành, các khoản chi nghiệp vụ thường xuyên, ... đảm bảo thực hiện nhiệm vụ chính trị được giao của đơn vị.

Các phòng, đơn vị, trường học chủ động điều hành dự toán ngân sách trong phạm vi được duyệt, đảm bảo hiệu quả, bố trí các khoản chi theo thứ tự ưu tiên trước hết đảm bảo chi lương, phụ cấp, an sinh xã hội, chế độ chính sách đối với người có công, gia đình chính sách.

Nghiêm túc thực hiện yêu cầu về tiết kiệm, chống lãng phí theo Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; tiết kiệm chi thường xuyên, chi cho bộ máy quản lý nhà nước, chi hoạt động tại các đơn vị sự nghiệp.

Kinh phí thực hiện các chương trình, nhiệm vụ..., căn cứ dự toán năm 2025, các phòng, đơn vị lập dự toán chi tiết gửi Phòng Kinh tế kiểm tra theo quy

định. Căn cứ khối lượng công việc dự toán và khả năng cân đối ngân sách, Phòng Kinh tế tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân xã phương án phân bổ theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã, Trưởng Phòng Kinh tế, Thuế cơ sở 8 thành phố Hải Phòng, Phòng giao dịch số 4 - Kho bạc NN Khu vực III, Hiệu trưởng các trường và Thủ trưởng các phòng, đơn vị, trường học có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- UBND Thành phố;
 - Sở Tài chính. HP;
 - TTĐU, TT HĐND xã;
 - CT, các PCT UBND xã;
 - Như Điều 3;
 - Lưu VT, KT
- } Đẻ b/c

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Thắng

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ TIÊN MINH

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 448/QĐ-UBND ngày 06 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Tiên Minh)

Đơn vị: triệu đồng

ST T	NỘI DUNG	Dự toán năm 2025		Ghi chú
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP	
A	B	1	2	3
	TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	184.565	183.341	
I	Thu nội địa	4.924	3.700	
1	Thu từ khu vực DNNN do Trung ương quản lý (Chi tiết theo sắc thuế)			
2	Thu từ khu vực DNNN do cấp xã quản lý (Chi tiết theo sắc thuế)			
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước (Chi tiết theo sắc thuế)ngoài			
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh (Chi tiết theo sắc thuế)	725		
5	Thuế thu nhập cá nhân	499		
6	Thuế bảo vệ môi trường			
7	Lệ phí trước bạ	845	845	
8	Thu phí, lệ phí	218	218	
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp			
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	1.102	1.102	
11	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước			
12	Thu tiền sử dụng đất			
13	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước			
14	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết (nếu có)			
15	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản			
16	Thu khác ngân sách	25	25	
17	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	1.510	1.510	
II	Thu viện trợ			
III	Thu chuyển nguồn CCTL còn dư năm trước chuyển sang			
IV	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	179.641	179.641	
1	Thu bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên	174.326	174.326	
2	Thu bổ sung mục tiêu từ ngân sách cấp trên	5.315	5.315	

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ TIÊN MINH

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 448/QĐ-UBND ngày 06 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Tiên Minh)

Đơn vị: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2025	Ghi chú
A	B	1	2
A	TỔNG NGUỒN THU NGÂN SÁCH XÃ	183.341	
I	Thu ngân sách xã được hưởng theo phân cấp	3.700	
-	Thu ngân sách xã hưởng 100%	3.700	
-	Thu ngân sách xã hưởng từ các khoản thu phân chia	-	
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	179.641	
-	Thu bổ sung cân đối	174.326	
-	Thu bổ sung có mục tiêu	5.315	
III	Thu kết dư		
IV	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ (sau khi trừ tiết kiệm 10% chi thường xuyên)	183.341	
	<i>Tổng chi ngân sách xã</i> <i>(trước khi trừ tiết kiệm 10% chi thường xuyên)</i>	<i>187.587</i>	
I	Tổng chi cân đối ngân sách xã (sau khi trừ tiết kiệm 10% chi thường xuyên)	183.341	
	<i>Tổng chi cân đối ngân sách xã (trước khi trừ tiết kiệm 10% chi thường xuyên)</i>	<i>187.587</i>	
1	Chi đầu tư phát triển	-	
2	Chi thường xuyên (sau khi trừ tiết kiệm 10% chi thường xuyên)	179.746	
	<i>Chi thường xuyên (trước khi trừ tiết kiệm 10% chi thường xuyên)</i>	<i>183.992</i>	
3	Dự phòng ngân sách	3.595	
4	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương		
II	Chi viện trợ		
III	Chi từ nguồn ngân sách cấp trên bổ sung có mục tiêu		
IV	Chi chuyển nguồn sang năm sau		

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ TIÊN MINH

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ THEO TỪNG LĨNH VỰC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 448/QĐ-UBND ngày 06 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Tiên Minh)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Ghi chú
A	B	1	2
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ	183.341	
A	Chi bổ sung cân đối cho ngân sách xã		
B	Chi ngân sách cấp xã theo lĩnh vực	183.341	
	<i>Trong đó:</i>		
I	Chi đầu tư phát triển		-
1	Chi đầu tư cho các dự án		
	<i>Trong đó:</i>		
1.1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề		
1.2	Chi khoa học và công nghệ		
1.3	Chi y tế, dân số và gia đình		
1.4	Chi văn hóa thông tin		
1.5	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn		
1.6	Chi thể dục thể thao		
1.7	Chi bảo vệ môi trường		
1.8	Chi các hoạt động kinh tế		
1.9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể		
1.10	Chi bảo đảm xã hội		
2	Chi đầu tư phát triển khác		
II	Chi thường xuyên (sau trừ TK 10% chi TX)	179.746	
	Tổng chi thường xuyên trước trừ tiết kiệm	183.992	
	Tiết kiệm 10% chi thường xuyên tính cân đối	4.246	
	<i>Trong đó:</i>		
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	100.331	
2	Chi quốc phòng, an ninh và TTATXH	6.156	
2	Chi khoa học và công nghệ		
3	Chi y tế, dân số và gia đình	6.099	
4	Chi văn hóa thông tin	1.951	
5	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	149	
6	Chi thể dục thể thao	99	
7	Chi bảo vệ môi trường	1.860	
8	Chi các hoạt động kinh tế	8.466	
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	37.776	
10	Chi bảo đảm xã hội	20.190	
11	Chi khác	915	
III	Dự phòng ngân sách	3.595	
IV	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương		
C	Chi viện trợ		
D	Chi từ nguồn bổ sung mục tiêu		

